TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ái Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐXXST-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH M, Địa chỉ: Tầng 1, Tầng 2, Tòa nhà PVL L Tower, số X đường D, phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quốc T, sinh năm 1979, địa chỉ: Số Y đường H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền số X ngày 01.4.2022 của Giám đốc Công ty TNHH M và số 01/UQ-SL ngày 05.5.2022 của Giám đốc Công ty Luật TNHH M). Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị Phương Mai, sinh năm: 1965, địa chỉ: K282/01 Lê Duẩn, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V, Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 đường Đ, phường Y, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 02/02/2018, bà Lê Thị Phương M có ký hợp đồng tín dụng số 20180202-0011924 với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V nay là Công

ty tài chính TNHH Ngân hàng V vay số tiền 20.572.500 đồng với lãi suất 4,42%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Mai có trách nhiệm thanh toán số tiền 37.507.331 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng: 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.251.000 đồng, tháng cuối cùng 1.228.331 đồng; bắt đầu từ 06/3/2018.

Thực hiện hợp đồng khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng V 18 lần với tổng số tiền đã trả 21.471.000 đồng, gồm 8.670.242 đồng nợ gốc và 12.800.758 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 29/11/2019 đến nay, bà M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà M đã được Ngân hàng V chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003.

Do bà M trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Phương M trả cho Công ty tổng số tiền là 16.036.331 đồng (Mười sáu triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc: 11.902.258 đồng và nợ lãi: 4.134.073 đồng.

*** Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Phương M trình bày:**

Bà xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng số 20180202-0011924 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V vay số tiền 20.572.500 đồng với lãi suất 4,42%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà có trách nhiệm thanh toán số tiền 37.507.331 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng: 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.251.000 đồng, tháng cuối cùng 1.228.331 đồng; bắt đầu từ 06/3/2018. Thực hiện hợp đồng, bà đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 18 lần với tổng số tiền đã trả 21.471.000 đồng. Kể từ ngày 29/11/2019 đến nay, bà không thanh toán thêm bất cứ khoản nào và Công ty đã nhắc nhở tôi trả nợ nhưng do dịch Covid, công việc thất thường nên bà không có điều kiện trả số tiền còn nợ.

Bà không có ý kiến gì về việc chuyển nhượng khoản nợ của bà giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC- Galaxy-21-0003 ngày 30/3/2021. Bà còn nợ Công ty TNHH M số tiền là 16.036.331 đồng, trong đó: Nợ gốc 11.902.258 đồng, nợ lãi 4.143.073 đồng và cam kết trả cho Công ty TNHH M 500.000 đồng/tháng nợ gốc cho đến khi hết nợ. Còn nợ lãi 4.143.073 đồng xin Công ty miễn cho bà.

*** Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V trình bày:**

Ngày 02/02/2018, bà Lê Thị Phương M có ký Hợp đồng tín dụng số 20180202-0011924 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V để vay số tiền là 20.572.500 đồng với lãi suất 4,42%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền 37.507.331 đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng: 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.251.000 đồng, tháng cuối cùng 1.228.331 đồng; bắt đầu từ 06/3/2018. Thực hiện hợp đồng bà M đã nhận đủ số tiền

vay và thanh toán được 18 lần với tổng số tiền đã trả 21.471.000 đồng. Kể từ ngày 29/11/2019 đến nay, bà M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà M đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003 nên Công ty TNHH M là chủ sở hữu và có quyền khởi kiện, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V không có ý kiến nào khác.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc *"Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với bà Lê Thị Phương M về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Buộc bà Lê Thị Phương M thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 16.036.331 đồng; trong đó: Nợ gốc 11.902.258 đồng và nợ lãi 4.134.073 đồng.

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" giữa nguyên đơn Công ty TNHH M đối với bị đơn bà Lê Thị Phương M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M thì thấy:

Bà Lê Thị Phương M có ký với Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V, nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20180202-0011924 ngày 02/02/2018 vay số tiền là 20.572.500 đồng, lãi suất thỏa thuận 4,42%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà Mai có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 37.507.331 đồng gồm cả gốc

và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 30 tháng: 29 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.251.000 đồng, tháng cuối cùng 1.228.331 đồng; bắt đầu từ 06/3/2018.

Như vậy, Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20180202-0011924 ngày 02/02/2018 được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V và bà Lê Thị Phương M thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V 18 lần với tổng số tiền đã trả 21.471.000 đồng, gồm 8.670.242 đồng nợ gốc và 12.800.758 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 29/11/2019 đến nay, bà M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù đã được Công ty nhắc nhở, làm việc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay.

Ngày 30/3/2021, khoản nợ của bà M đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ số V- G-21-0003 nên Công ty TNHH M là chủ sở hữu và có quyền khởi kiện, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V và bà M không có ý kiến nào khác.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về việc buộc bà M phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 16.036.331 đồng, trong đó: Nợ gốc: 11.902.258 đồng và nợ lãi: 4.134.073 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc *"Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH M được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc *"Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Công ty TNHH M đối với bà Lê Thị Phương M.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị Phương M phải thanh toán cho Công ty TNHH M tổng số tiền 16.036.331 đồng (Mười sáu triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi mốt đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 11.902.258 đồng.

+ Nợ lãi: 4.134.073 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 802.000 đồng (Tám trăm lẻ hai nghìn đồng) bà Lê Thị Phương M phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu số theo biên lai thu số 0002840 ngày 29/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/9/2022; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp